VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/

ENGLISH TEACHERS' PROFESSIONAL MOTIVATION: A SELF-DETERMINATION THEORY APPROACH

Mai Thi Loan*

VNU University of Languages and International Studies, No. 2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 04 June 2026
Revised 04 August 2026; Accepted 19 October 2026

Abstract: Teacher professional motivation plays a crucial role in teaching quality, work performance, and teachers' long-term commitment to the profession. Although Self-Determination Theory is one of the most widely adopted theoretical frameworks for investigating the motivation of language teachers, particularly English teachers, studies applying this theory in the context of Vietnamese upper secondary education remain limited. This study investigated the professional motivation of English teachers through the lens of Self-Determination Theory, with a particular focus on the roles of the three basic psychological needs: autonomy, competence, and relatedness. An explanatory sequential mixed-methods design was employed, combining a questionnaire survey of 30 English teachers with semi-structured interviews involving six teachers at a Vietnamese upper secondary school. The findings showed that intrinsic motivation was rated higher than extrinsic motivation, suggesting that teachers' professional motivation tended to be oriented toward more autonomous forms of motivation. In addition, all the three basic psychological needs were positively correlated with professional motivation, with competence demonstrating the strongest correlation. The integration of quantitative and qualitative data helped explain and elaborate the quantitative findings, thereby providing a more comprehensive understanding of the roles of the three basic psychological needs in teachers' professional motivation. This study contributes additional empirical evidence supporting the application of Self-Determination Theory to the investigation of English teachers' professional motivation in the Vietnamese upper secondary school context, while highlighting the potential role of the three basic psychological needs in sustaining teachers' professional motivation.

Keywords: professional motivation, English teachers, Self-Determination Theory, basic psychological needs, mixed-methods research

* Corresponding author.
Email address: loandhnn2015@gmail.com
https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5891

ĐỘNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN TIẾNG ANH: TIẾP CẬN TỪ LÝ THUYẾT TỰ QUYẾT

Mai Thị Loan

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 04 tháng 6 năm 2026
Chỉnh sửa ngày 04 tháng 8 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 19 tháng 10 năm 2026

Tóm tắt: Động lực nghề nghiệp của giáo viên có vai trò quan trọng đối với chất lượng giảng dạy, hiệu quả công việc và sự gắn bó lâu dài với nghề. Mặc dù Lý thuyết Tự quyết là một trong những khung lý thuyết được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu động lực của giáo viên ngôn ngữ, đặc biệt là giáo viên tiếng Anh, các nghiên cứu vận dụng lý thuyết này trong bối cảnh giáo dục phổ thông Việt Nam vẫn còn hạn chế. Nghiên cứu này tìm hiểu động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh dưới góc nhìn của Lý thuyết Tự quyết, tập trung vào vai trò của ba nhu cầu tâm lý cơ bản: tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội. Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp giải thích theo trình tự, kết hợp khảo sát 30 giáo viên tiếng Anh với phỏng vấn bán cấu trúc 6 giáo viên tại một trường trung học phổ thông ở Việt Nam. Kết quả cho thấy động lực nội tại được đánh giá cao hơn động lực ngoại tại, gợi ý rằng động lực nghề nghiệp của giáo viên có xu hướng thiên về các dạng động lực mang tính tự chủ. Đồng thời, cả ba nhu cầu tâm lý cơ bản đều có tương quan dương với động lực nghề nghiệp, trong đó, nhu cầu năng lực có mối tương quan mạnh nhất. Việc tích hợp dữ liệu định lượng và định tính giúp giải thích và làm rõ các phát hiện định lượng, qua đó cung cấp sự hiểu biết toàn diện hơn về vai trò của ba nhu cầu tâm lý cơ bản đối với động lực nghề nghiệp của giáo viên. Nghiên cứu góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm về việc vận dụng Lý thuyết Tự quyết trong nghiên cứu động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh ở bối cảnh giáo dục phổ thông Việt Nam, đồng thời làm rõ vai trò tiềm năng của ba nhu cầu tâm lý cơ bản trong việc duy trì động lực nghề nghiệp của giáo viên.

Từ khóa: động lực nghề nghiệp, giáo viên tiếng Anh, Lý thuyết Tự quyết, nhu cầu tâm lý cơ bản, nghiên cứu hỗn hợp

1. Dẫn nhập

Trong bối cảnh giáo dục không ngừng đổi mới và yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng cao, động lực nghề nghiệp được xem là một yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy, hạnh phúc nghề nghiệp và sự gắn bó lâu dài của giáo viên với nghề (Collie, 2014). Theo quan điểm của Lý thuyết Tự quyết, động lực nghề nghiệp không chỉ chịu tác động từ các điều kiện của môi trường làm việc mà còn phụ thuộc vào mức độ thỏa mãn các nhu cầu tâm lý cơ bản của giáo viên về tính tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội. Những yếu tố này được xem là nền tảng thúc đẩy và duy trì động lực nghề nghiệp bền vững (Fernet và cộng sự, 2012; Collie, 2014).

Nhiều nghiên cứu về động lực nghề nghiệp của giáo viên đã tập trung tìm hiểu động cơ lựa chọn nghề và các yếu tố liên quan đến sự gắn bó với nghề. Trên cơ sở khung lý thuyết FIT-Choice, Watt và Richardson (2008) cho rằng quyết định lựa chọn nghề dạy học chịu ảnh hưởng của nhiều nhóm động cơ, bao gồm giá trị nội tại, giá trị xã hội (vị tha), lợi ích cá nhân và các ảnh hưởng xã hội; những động cơ này có mối liên hệ với sự hài lòng khi lựa chọn nghề, ý định gắn bó và định hướng phát triển nghề nghiệp của giáo viên. Từ góc độ tâm lý học giáo dục và Lý thuyết Tự quyết, Fernet và cộng sự (2012) cùng Collie (2014) nhấn mạnh rằng động lực nghề nghiệp không chỉ chịu tác động của các đặc điểm và điều kiện của môi trường làm việc mà còn chịu ảnh hưởng của các quá trình tâm lý bên trong, đặc biệt là các dạng động lực mang

tính tự chủ, cảm nhận về năng lực và môi trường hỗ trợ tại nhà trường.

Một trong những khung lý thuyết có ảnh hưởng lớn trong nghiên cứu động lực giáo viên là Lý thuyết Tự quyết (Ha, 2024; Lamb & Sahakyan, 2024). Theo Ryan và Deci (2000, 2017), việc thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản gồm tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội là điều kiện quan trọng thúc đẩy sự hình thành các dạng động lực mang tính tự chủ. Lý thuyết này xem động lực như một phổ liên tục từ vô động lực đến động lực nội tại; trong đó, động lực ngoại tại bao gồm cả các dạng điều chỉnh mang tính kiểm soát và các dạng đã được nội hóa. Khi ba nhu cầu tâm lý cơ bản được đáp ứng, cá nhân có xu hướng phát triển động lực tự chủ, từ đó nâng cao hiệu quả công việc, sự kiên trì, sức khỏe tâm lý và hạnh phúc nghề nghiệp (Ryan & Deci, 2000, 2017, 2020). Trên nền tảng lý thuyết này, Roohani và cộng sự (2018) đã xác định các hồ sơ động lực khác nhau của giáo viên tiếng Anh và cho thấy những hồ sơ này có liên hệ với một số đặc điểm nghề nghiệp như kinh nghiệm giảng dạy và nơi công tác. Trong bối cảnh giáo dục phổ thông, Yıldız và Kılıç (2021) cũng cho thấy động lực của giáo viên chịu ảnh hưởng đồng thời của các đặc điểm cá nhân và các điều kiện làm việc.

Trong lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, Ha (2024) cho thấy những năm gần đây, nghiên cứu về động lực của giáo viên ngày càng được mở rộng, với các chủ đề nổi bật như: quyền tự chủ trong giảng dạy, hạnh phúc nghề nghiệp, bản sắc nghề nghiệp và việc vận dụng Lý thuyết Tự quyết. Tương tự, Lamb và Sahakyan (2024) tổng hợp các hướng nghiên cứu nổi bật về động lực của giáo viên ngôn ngữ, bao gồm: động cơ lựa chọn nghề, động lực trong quá trình giảng dạy, các nguồn hình thành và duy trì động lực, cũng như mối liên hệ giữa động lực với hoạt động giảng dạy, hạnh phúc nghề nghiệp và sự gắn bó với nghề. Các công trình này đều cho thấy Lý thuyết Tự quyết là một trong những khung lý thuyết có ảnh hưởng lớn trong nghiên cứu động lực của giáo viên ngôn ngữ.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về động lực nghề nghiệp của giáo viên chủ yếu tập trung vào việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc và động lực giảng dạy. Luu (2020), Nguyen và Nguyen (2021), cùng Nguyen và cộng sự (2023) đều cho thấy động lực của giáo viên chịu tác động của nhiều yếu tố, bao gồm điều kiện làm việc, môi trường tổ chức, sự hỗ trợ của lãnh đạo, chế độ đãi ngộ và cơ hội phát triển nghề nghiệp. Bên cạnh các nghiên cứu thực nghiệm, Nguyen, Chu, Hoang và Trinh (2023) giới thiệu Lý thuyết Tự quyết như một trong những khung lý thuyết quan trọng để nghiên cứu động lực, trong khi Nguyen (2023) phân tích cơ chế nội hóa động lực ngoại tại và vai trò của ba nhu cầu tâm lý cơ bản trong việc hình thành động lực tự chủ. Tuy nhiên, các nghiên cứu vận dụng Lý thuyết Tự quyết để tìm hiểu động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục phổ thông Việt Nam vẫn còn tương đối ít. Le và Thi (2022) chủ yếu xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai dạy học tiếng Anh ở trường trung học phổ thông mà chưa phân tích động lực nghề nghiệp của giáo viên dưới góc nhìn của Lý thuyết Tự quyết. Trong khi đó, Tran (2025) nghiên cứu động lực của giảng viên tiếng Anh ở bậc đại học và đề xuất các giải pháp tăng cường động lực nghề nghiệp, nhưng chưa phân tích trực tiếp vai trò của ba nhu cầu tâm lý cơ bản trong việc hình thành và duy trì động lực nghề nghiệp.

Nhìn chung, các nghiên cứu cho thấy động lực nghề nghiệp của giáo viên chịu ảnh hưởng đồng thời của các yếu tố thuộc môi trường làm việc và các quá trình tâm lý bên trong; trong những năm gần đây, các nghiên cứu ngày càng quan tâm hơn đến vai trò của các cơ chế tâm lý và Lý thuyết Tự quyết trong việc giải thích động lực nghề nghiệp. Tuy nhiên, tại Việt Nam vẫn còn thiếu các nghiên cứu vận dụng Lý thuyết Tự quyết để phân tích vai trò của ba nhu cầu tâm lý cơ bản đối với động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh, đặc biệt ở bậc trung học phổ thông. Đồng thời, việc kết hợp dữ liệu định lượng và định tính để vừa đánh giá mức

độ động lực vừa giải thích trải nghiệm của giáo viên dưới góc nhìn của Lý thuyết Tự quyết vẫn chưa được khai thác nhiều trong bối cảnh giáo dục phổ thông Việt Nam.

Xuất phát từ những khoảng trống nghiên cứu nêu trên, nghiên cứu này vận dụng Lý thuyết Tự quyết làm khung lý thuyết để tìm hiểu động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh ở bậc trung học phổ thông. Cụ thể, nghiên cứu phân tích vai trò của ba nhu cầu tâm lý cơ bản đối với động lực nghề nghiệp thông qua thiết kế hỗn hợp giải thích theo trình tự, kết hợp khảo sát định lượng với phỏng vấn bán cấu trúc. Thiết kế này không chỉ cho phép đánh giá mức độ động lực nghề nghiệp và mức độ thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản mà còn giúp làm rõ vai trò của các nhu cầu này trong quá trình hình thành và duy trì động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh.

2. Mục đích và mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh tại một trường trung học phổ thông ở Việt Nam dưới góc nhìn của Lý thuyết Tự quyết. Cụ thể, nghiên cứu tập trung khám phá mức độ động lực nghề nghiệp của giáo viên và sự thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản gồm: tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội trong bối cảnh thực tiễn của nhà trường. Trên cơ sở đó, nghiên cứu phân tích cách thức mà sự thỏa mãn các nhu cầu tâm lý cơ bản được phản ánh trong động lực nghề nghiệp của giáo viên, qua đó góp phần cung cấp hiểu biết sâu hơn về động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh trong một bối cảnh giáo dục cụ thể.

Để đạt được mục đích trên, nghiên cứu hướng tới ba mục tiêu cụ thể: (1) mô tả mức độ động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh tại trường được nghiên cứu; (2) xác định mức độ thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản (tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội) của giáo viên tiếng Anh theo Lý thuyết Tự quyết; và (3) phân tích vai trò của sự thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản đối với việc hình thành và duy trì động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm trả lời 3 câu hỏi sau:

1. Động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh tại trường trung học phổ thông được biểu hiện như thế nào trong bối cảnh hiện nay?

2. Mức độ thỏa mãn các nhu cầu tâm lý cơ bản gồm tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội của giáo viên tiếng Anh tại trường được nghiên cứu như thế nào?

3. Sự thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản đóng vai trò như thế nào trong việc hình thành và duy trì động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh tại trường được nghiên cứu?

4. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu này là một nghiên cứu hỗn hợp quy mô nhỏ được thực hiện tại một trường trung học phổ thông ở Việt Nam theo hướng nghiên cứu trường hợp. Nghiên cứu tập trung tìm hiểu và giải thích động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh trong một bối cảnh giáo dục cụ thể, thay vì hướng tới khái quát hóa kết quả trên phạm vi rộng. Việc lựa chọn một trường làm trường hợp nghiên cứu cho phép phân tích sâu trải nghiệm nghề nghiệp của giáo viên trong mối liên hệ với điều kiện tổ chức, môi trường làm việc và bối cảnh giáo dục của nhà trường.

Đối tượng nghiên cứu chỉ bao gồm giáo viên tiếng Anh đang giảng dạy tại trường được lựa chọn. Việc giới hạn này xuất phát từ đặc thù của môn tiếng Anh trong giáo dục phổ thông Việt Nam, khi giáo viên vừa thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, vừa đáp ứng các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp và hội nhập quốc tế. Do đó, kết quả nghiên cứu chỉ phản ánh động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh trong bối cảnh nghiên cứu và không đại diện cho

giáo viên các môn học khác.

Về nội dung, nghiên cứu tiếp cận động lực nghề nghiệp trên nền tảng Lý thuyết Tự quyết, tập trung vào ba nhu cầu tâm lý cơ bản gồm: tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội, đồng thời xem xét vai trò của các nhu cầu này đối với động lực nghề nghiệp. Các yếu tố như thu nhập, chính sách đãi ngộ, khối lượng công việc, phong cách lãnh đạo và điều kiện cơ sở vật chất chỉ được xem là những yếu tố bối cảnh có thể ảnh hưởng đến trải nghiệm của giáo viên.

Do được thực hiện với quy mô mẫu tương đối nhỏ tại một cơ sở giáo dục, kết quả nghiên cứu chủ yếu có giá trị mô tả và giải thích đối với trường hợp được khảo sát, đồng thời góp phần bổ sung minh chứng thực nghiệm về khả năng vận dụng Lý thuyết Tự quyết trong nghiên cứu động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh tại Việt Nam. Vì vậy, các kết quả cần được diễn giải trong bối cảnh nghiên cứu và không nên khái quát trực tiếp cho các cơ sở giáo dục hoặc nhóm giáo viên khác nếu chưa có thêm các nghiên cứu so sánh hoặc nghiên cứu với quy mô lớn hơn.

5. Tích hợp dữ liệu định lượng và định tính

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế hỗn hợp giải thích theo trình tự nhằm phân tích động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh dưới góc nhìn của Lý thuyết Tự quyết. Theo thiết kế này, dữ liệu định lượng và định tính được tích hợp theo trình tự và logic của nghiên cứu hỗn hợp (Creswell, 2009). Trước hết, kết quả phân tích định lượng được sử dụng để xây dựng nội dung phỏng vấn bán cấu trúc nhằm làm rõ, giải thích và mở rộng những phát hiện nổi bật hoặc chưa được lý giải đầy đủ từ khảo sát. Tiếp theo, dữ liệu định lượng và dữ liệu định tính được phân tích độc lập bằng các phương pháp phù hợp nhằm bảo đảm tính chặt chẽ của từng nguồn dữ liệu. Cuối cùng, hai nguồn dữ liệu được tích hợp ở giai đoạn diễn giải thông qua việc đối chiếu, so sánh và tổng hợp các phát hiện. Các chủ đề rút ra từ phỏng vấn được sử dụng để giải thích, bổ sung và làm sâu sắc hơn các kết quả định lượng, qua đó giúp hiểu đầy đủ hơn về động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh dưới góc nhìn của Lý thuyết Tự quyết. Cách tiếp cận này góp phần tạo ra những diễn giải toàn diện hơn về hiện tượng nghiên cứu thông qua việc kết hợp các bằng chứng từ cả dữ liệu định lượng và định tính (Creswell, 2009; Tashakkori và cộng sự, 2021).

6. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu gồm 30 giáo viên tiếng Anh đang giảng dạy tại một trường trung học phổ thông ở Việt Nam. Nhóm đối tượng này được lựa chọn vì trực tiếp triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và giữ vai trò quan trọng trong đổi mới dạy học ngoại ngữ. Tất cả người tham gia đều là nữ, trong độ tuổi 35–55, gồm: nhóm 35–40 tuổi (n = 18), 41–46 tuổi (n = 8) và 47–55 tuổi (n = 4). Tất cả đều có trình độ thạc sĩ, từ 10 đến 30 năm kinh nghiệm giảng dạy, làm việc theo chế độ biên chế với khối lượng giảng dạy trung bình khoảng 18 tiết/tuần; một số đồng thời đảm nhiệm vai trò tổ trưởng chuyên môn hoặc giáo viên chủ nhiệm.

Ở giai đoạn định lượng, toàn bộ 37 giáo viên tiếng Anh của trường đáp ứng tiêu chí đều được mời tham gia khảo sát nhằm bảo đảm mức độ bao quát cao nhất. Sau khi thu lại đầy đủ 37 bảng hỏi, 7 bảng bị loại do không hoàn thành hoặc có dấu hiệu trả lời thiếu nhất quán. Vì vậy, 30 bảng hỏi hợp lệ, tương ứng khoảng 81% tổng số giáo viên tiếng Anh của trường, được sử dụng để phân tích.

Ở giai đoạn định tính, phương pháp chọn mẫu có chủ đích được sử dụng để lựa chọn người tham gia từ nhóm đã hoàn thành khảo sát. Phù hợp với thiết kế hỗn hợp giải thích theo trình tự, việc lựa chọn người tham gia dựa trên kết quả phân tích định lượng nhằm giải thích sâu hơn các phát hiện của nghiên cứu (Creswell, 2009). Các giáo viên được lựa chọn nhằm phản ánh sự đa dạng về mức độ động lực tự chủ và mức độ thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản

theo kết quả khảo sát, đồng thời bao gồm một số trường hợp có phản hồi nổi bật hoặc khác biệt để hỗ trợ việc giải thích các kết quả định lượng. Trong số 10 giáo viên đồng ý tham gia phỏng vấn, 4 người không thể tham gia do hạn chế về thời gian; vì vậy, mẫu định tính gồm 6 giáo viên tham gia phỏng vấn bán cấu trúc. Mẫu này cho phép thu thập dữ liệu chuyên sâu nhằm giải thích và làm rõ các kết quả định lượng. Tất cả người tham gia đều tham gia trên cơ sở tự nguyện, được bảo đảm tính ẩn danh và bảo mật thông tin theo các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học xã hội (Creswell, 2009).

7. Công cụ thu thập và phân tích dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng bảng khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập dữ liệu theo thiết kế hỗn hợp giải thích theo trình tự (Creswell, 2009).

Ở giai đoạn định lượng, dữ liệu được thu thập bằng bảng khảo sát được xây dựng dựa trên các khái niệm cốt lõi của Lý thuyết Tự quyết (Ryan & Deci, 2017) và tham khảo, điều chỉnh từ các thang đo đã được kiểm định trong các nghiên cứu trước (Fernet và cộng sự, 2012; Collie, 2014). Bảng khảo sát gồm hai phần: thông tin nền của người tham gia và bốn thang đo đo lường động lực nghề nghiệp cùng ba nhu cầu tâm lý cơ bản (tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội). Các mục hỏi sử dụng thang Likert 5 mức. Trước khi khảo sát chính thức, bảng hỏi được hai chuyên gia góp ý và thử nghiệm với năm giáo viên tiếng Anh để điều chỉnh cách diễn đạt. Sau khi thu thập dữ liệu, độ tin cậy của các thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's alpha, với các giá trị dao động từ .84 đến .91. Do quy mô mẫu chưa đáp ứng yêu cầu để thực hiện phân tích nhân tố một cách ổn định, nghiên cứu không tiến hành phân tích nhân tố; thay vào đó, giá trị nội dung của công cụ được củng cố thông qua cơ sở lý thuyết, việc tham khảo các thang đo đã được kiểm định, tham vấn chuyên gia và nghiên cứu thí điểm.

Ở giai đoạn định tính, dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn bán cấu trúc với sáu giáo viên được lựa chọn từ mẫu khảo sát. Hướng dẫn phỏng vấn được xây dựng dựa trên các khái niệm cốt lõi của Lý thuyết Tự quyết và phát triển từ kết quả định lượng nhằm giải thích và làm rõ các kết quả định lượng (Creswell, 2009). Trước khi thu thập dữ liệu chính thức, hướng dẫn phỏng vấn được thử nghiệm với một giáo viên để điều chỉnh cách diễn đạt và trình tự câu hỏi. Các cuộc phỏng vấn kéo dài khoảng 40 phút, được thực hiện bằng tiếng Việt, ghi âm và phiên âm nguyên văn với sự đồng ý của người tham gia.

Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện theo hai giai đoạn. Trước hết, bảng khảo sát trực tuyến được gửi tới giáo viên tiếng Anh qua email và các nhóm chuyên môn; các phản hồi không đầy đủ hoặc có dấu hiệu trả lời không hợp lệ được loại bỏ trước khi phân tích. Tiếp theo, các giáo viên đáp ứng tiêu chí chọn mẫu định tính và tự nguyện tham gia được mời phỏng vấn trực tuyến. Toàn bộ quá trình nghiên cứu tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học xã hội, bảo đảm tính tự nguyện, ẩn danh và bảo mật thông tin của người tham gia (Creswell, 2009).

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS. Trước hết, độ tin cậy của các thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's alpha, sau đó thống kê mô tả được sử dụng để xác định mức độ động lực nghề nghiệp và mức độ thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản của giáo viên. Dữ liệu định tính được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề của Braun và Clarke (2006). Quá trình phân tích bao gồm: việc làm quen với dữ liệu, mã hóa ban đầu, xây dựng, rà soát, xác định và đặt tên các chủ đề trước khi tổng hợp và trình bày kết quả; việc phân tích được thực hiện theo cả cách tiếp cận quy nạp và diễn dịch. Cuối cùng, các phát hiện định tính được tích hợp ở giai đoạn diễn giải nhằm giải thích và làm sâu sắc hơn các kết quả định lượng, phù hợp với đặc trưng của thiết kế hỗn hợp giải thích theo trình tự (Creswell, 2009; Tashakkori và cộng sự, 2021).

8. Kết quả nghiên cứu

8.1. Câu hỏi nghiên cứu 1: Động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh được biểu hiện như thế nào trong bối cảnh hiện nay?

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu này, nghiên cứu kết hợp dữ liệu định lượng từ bảng khảo sát và dữ liệu định tính từ phỏng vấn bán cấu trúc.

8.1.1. Kết quả bảng khảo sát

Độ tin cậy của các thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's alpha trước khi tiến hành phân tích thống kê mô tả. Kết quả cho thấy tất cả các thang đo đều đạt độ tin cậy tốt (α = 0,82–0,91), trong đó động lực nội tại có hệ số cao nhất (α = 0,91), tiếp theo là cam kết nghề nghiệp (α = 0,88) và động lực ngoại tại (α = 0,84). Tất cả các giá trị đều vượt ngưỡng chấp nhận 0,70, xác nhận độ tin cậy của các thang đo để sử dụng trong các phân tích tiếp theo.

Bảng 1

Mức độ động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh (N = 30)

Thành phần	Mean	SD
Động lực nội tại	4,16	0,65
Động lực ngoại tại	3,51	0,84
Cam kết nghề nghiệp	3,98	0,74
Tổng thể	**3,88**	**0,71**

Kết quả cho thấy động lực nghề nghiệp tổng thể của giáo viên tiếng Anh trong mẫu nghiên cứu đạt mức khá cao (Mean = 3,88; SD = 0,71). Xét theo từng thành phần, động lực nội tại có giá trị trung bình cao nhất (Mean = 4,16; SD = 0,65), gợi ý rằng giáo viên chủ yếu được thúc đẩy bởi niềm yêu thích giảng dạy, hứng thú đối với công việc và ý nghĩa của nghề nghiệp. Cam kết nghề nghiệp cũng đạt mức tương đối cao (Mean = 3,98; SD = 0,74), phản ánh xu hướng gắn bó với nghề của các giáo viên tham gia nghiên cứu. Trong khi đó, động lực ngoại tại có giá trị trung bình thấp hơn (Mean = 3,51; SD = 0,84), cho thấy các yếu tố như thu nhập, chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc được đánh giá là ít quan trọng hơn so với các nguồn động lực khác trong mẫu nghiên cứu. Nhìn chung, kết quả cho thấy động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh thiên về các dạng động lực mang tính tự chủ hơn là các nguồn động lực chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài. Xu hướng này phù hợp với Lý thuyết Tự quyết, theo đó các dạng động lực tự chủ có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự gắn bó, cam kết nghề nghiệp và sức khỏe tâm lý của giáo viên (Ryan & Deci, 2000, 2017).

8.1.2. Kết quả phỏng vấn

Dữ liệu phỏng vấn được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề của Braun và Clarke (2006). Kết quả phân tích cho thấy ba chủ đề chính phản ánh các khía cạnh nổi bật của động lực nghề nghiệp ở giáo viên tiếng Anh.

Bảng 2

Động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh

Chủ đề	Mã tiêu biểu	Trích dẫn minh hoạ	Diễn giải
Động lực nội tại	Niềm yêu thích giảng dạy	"Tôi thực sự thích đứng lớp và giảng dạy."	Giáo viên cho rằng sự yêu thích công việc giảng dạy là nguồn động lực quan trọng giúp họ duy trì sự gắn bó với nghề.

	Sự hài lòng với nghề nghiệp	"Công việc này mang lại cho tôi sự hài lòng."	Cảm giác hài lòng trong công việc góp phần củng cố động lực nghề nghiệp của giáo viên.
	Cảm nhận về ý nghĩa nghề dạy học	"Tôi nghĩ nghề này có ý nghĩa vì có thể giúp học sinh phát triển."	Giáo viên xem nghề dạy học là công việc có giá trị xã hội và ý nghĩa cá nhân.
Cam kết nghề nghiệp	Mong muốn gắn bó lâu dài với nghề	"Tôi muốn tiếp tục nghề này lâu dài."	Nhiều giáo viên thể hiện mong muốn duy trì nghề nghiệp mặc dù công việc còn nhiều áp lực.
	Ý thức trách nhiệm với học sinh	"Tôi cảm thấy có trách nhiệm với học sinh."	Trách nhiệm nghề nghiệp được xem là yếu tố quan trọng thúc đẩy giáo viên tiếp tục công việc giảng dạy.
Động lực ngoại tại	Ảnh hưởng của thu nhập	"Thu nhập là yếu tố quan trọng."	Thu nhập và các điều kiện vật chất vẫn có ảnh hưởng nhất định đến động lực nghề nghiệp của giáo viên.
	Tác động của môi trường làm việc	"Môi trường làm việc ảnh hưởng động lực."	Môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ góp phần duy trì động lực nghề nghiệp của giáo viên.

Bảng 2 cho thấy động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh được thể hiện qua ba chủ đề chính: động lực nội tại, cam kết nghề nghiệp và động lực ngoại tại. Trong đó, động lực nội tại nổi bật qua niềm yêu thích giảng dạy, sự hài lòng với công việc và cảm nhận về ý nghĩa của nghề dạy học. Nhiều giáo viên cho biết họ yêu thích công việc giảng dạy và cảm thấy nghề nghiệp của mình có giá trị đối với sự phát triển của học sinh. Một giáo viên chia sẻ: *"Tôi thực sự thích đứng lớp và giảng dạy và đây là nguồn động lực quan trọng giúp tôi duy trì sự gắn bó với nghề"*, trong khi một giáo viên khác cho rằng nghề dạy học có ý nghĩa vì *"có thể giúp học sinh phát triển"*. Những chia sẻ này cho thấy động lực nội tại là nguồn động lực quan trọng giúp giáo viên duy trì sự gắn bó với nghề.

Cam kết nghề nghiệp được thể hiện qua mong muốn tiếp tục gắn bó lâu dài với nghề và ý thức trách nhiệm đối với học sinh. Mặc dù công việc còn nhiều áp lực, nhiều giáo viên vẫn mong muốn tiếp tục giảng dạy vì cảm thấy có trách nhiệm với học sinh và nghề nghiệp của mình. Điều này cho thấy cam kết nghề nghiệp không chỉ xuất phát từ sở thích cá nhân mà còn gắn với trách nhiệm và các giá trị nghề nghiệp.

Trong khi đó, động lực ngoại tại chủ yếu được phản ánh qua thu nhập, điều kiện làm việc và sự hỗ trợ từ môi trường nghề nghiệp. Tuy nhiên, so với động lực nội tại và cam kết nghề nghiệp, các yếu tố này được đề cập ít thường xuyên hơn trong các cuộc phỏng vấn. Nhìn chung, kết quả phỏng vấn cho thấy động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh chủ yếu được duy trì bởi các yếu tố nội tại, trong khi các yếu tố ngoại tại đóng vai trò hỗ trợ.

Kết quả khảo sát cho thấy động lực nội tại có mức độ biểu hiện cao nhất, trong khi dữ liệu phỏng vấn giải thích rằng niềm yêu thích giảng dạy, sự hài lòng trong công việc và ý nghĩa nghề nghiệp là những nguồn động lực chủ yếu của giáo viên. Cả hai nguồn dữ liệu đều cho thấy các yếu tố ngoại tại như thu nhập và điều kiện làm việc chỉ đóng vai trò hỗ trợ.

8.2. Câu hỏi nghiên cứu 2: Mức độ thỏa mãn các nhu cầu tâm lý cơ bản của giáo viên tiếng Anh như thế nào?

Để trả lời câu hỏi này, nghiên cứu kết hợp dữ liệu định lượng từ bảng khảo sát với 30 giáo viên và dữ liệu định tính từ phỏng vấn bán cấu trúc với 6 giáo viên. Theo thiết kế hỗn hợp giải thích theo trình tự, kết quả định lượng được trình bày trước, sau đó dữ liệu định tính được sử dụng để giải thích các phát hiện định lượng.

8.2.1. Kết quả bảng khảo sát

Trước hết, nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả nhằm xác định mức độ thỏa mãn của ba nhu cầu tâm lý cơ bản ở giáo viên tiếng Anh. Giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD) của từng nhu cầu được tính toán và trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3

Mức độ thỏa mãn nhu cầu tâm lý cơ bản của giáo viên tiếng Anh (N = 30)

Nhu cầu tâm lý	Mean	SD
Tự chủ	3,86	0,76
Năng lực	4,09	0,67
Gắn kết xã hội	3,73	0,73
Tổng thể	3,89	0,72

Kết quả trong Bảng 3 cho thấy giáo viên tiếng Anh có mức độ thỏa mãn khá cao đối với các nhu cầu tâm lý cơ bản, với giá trị trung bình tổng thể đạt 3,89 (SD = 0,72) trên thang đo năm điểm. Trong ba nhu cầu được khảo sát, nhu cầu năng lực có giá trị trung bình cao nhất (Mean = 4,09; SD = 0,67), cho thấy phần lớn giáo viên cảm nhận được năng lực và hiệu quả trong việc thực hiện vai trò giảng dạy. Nhu cầu tự chủ đứng thứ hai (Mean = 3,86; SD = 0,76), phản ánh rằng giáo viên nhìn chung cảm thấy có quyền chủ động và khả năng kiểm soát hoạt động giảng dạy. Trong khi đó, nhu cầu gắn kết xã hội có giá trị trung bình thấp nhất (Mean = 3,73; SD = 0,73), cho thấy giáo viên cảm nhận mức độ kết nối và hỗ trợ từ môi trường làm việc thấp hơn so với hai nhu cầu còn lại. Độ lệch chuẩn của nhu cầu này cũng cho thấy có sự khác biệt nhất định giữa các giáo viên trong trải nghiệm về sự gắn kết xã hội. Nhìn chung, cả ba nhu cầu tâm lý cơ bản đều được thỏa mãn ở mức khá cao, trong đó nhu cầu năng lực được đáp ứng ở mức cao hơn so với nhu cầu tự chủ và nhu cầu gắn kết xã hội.

8.2.2. Kết quả phỏng vấn

Kết quả phỏng vấn được phân tích theo khung Lý thuyết Tự quyết, tập trung vào ba nhu cầu tâm lý cơ bản gồm năng lực, tự chủ và gắn kết xã hội. Quá trình phân tích nhằm xác định những trải nghiệm và nhận thức nổi bật của giáo viên liên quan đến môi trường làm việc và động lực nghề nghiệp. Các chủ đề, mã tiêu biểu và trích dẫn minh họa được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4

Kết quả phỏng vấn về sự thỏa mãn nhu cầu tâm lý cơ bản của giáo viên tiếng Anh (N = 6)

Chủ đề	Mã tiêu biểu	Trích dẫn minh hoạ	Diễn giải
Nhu cầu năng lực	Cảm nhận về hiệu quả giảng dạy	"Tôi thấy công việc có ý nghĩa khi giúp học sinh tiến bộ, qua đó củng cố động lực nghề nghiệp." (T1)	Giáo viên cho rằng việc hỗ trợ học sinh học tập hiệu quả giúp họ cảm thấy công việc có ý nghĩa và củng cố động lực nghề nghiệp.
	Sự tự tin trong chuyên môn	"Tôi nghĩ mình có đủ kiến thức và kỹ năng để giảng dạy" (T4)	Phần lớn giáo viên thể hiện sự tự tin vào năng lực chuyên môn và khả năng đáp ứng yêu cầu giảng dạy.
	Năng lực được củng cố qua phản hồi tích cực	"Khi sinh viên phản hồi tích cực, tôi tự tin và có động lực làm việc hơn" (T6)	Phản hồi tích cực từ học sinh góp phần giúp giáo viên cảm thấy tự tin và có thêm động lực trong công việc.
Nhu cầu tự chủ	Sự linh hoạt trong giảng dạy	"Tôi có thể linh hoạt điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp với học sinh	Giáo viên đánh giá cao khả năng điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp với học sinh và bối cảnh

		và bối cảnh lớp học." (T2)	lớp học.
	Quyền chủ động trong tổ chức bài học	"Tôi được tự chủ trong tổ chức và lựa chọn nội dung, hoạt động giảng dạy, từ đó tăng sự thoải mái và hứng thú với công việc." (T5)	Quyền tự chủ trong việc lựa chọn nội dung và hoạt động giảng dạy giúp giáo viên cảm thấy thoải mái và hứng thú hơn với công việc.
	Điều chỉnh bài giảng theo nhu cầu người học	"Tôi có thể điều chỉnh bài giảng để nâng cao hiệu quả học tập của học sinh" (T3)	Giáo viên cảm thấy việc linh hoạt điều chỉnh nội dung giảng dạy giúp nâng cao hiệu quả học tập của học sinh.
Nhu cầu gắn kết xã hội	Sự hỗ trợ từ đồng nghiệp	"Sự giúp đỡ và chia sẻ kinh nghiệm từ đồng nghiệp giúp tôi cảm thấy được hỗ trợ trong công việc." (T3)	Giáo viên đánh giá cao sự hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm từ đồng nghiệp trong môi trường làm việc.
	Cảm giác thuộc về tập thể	"Tôi cảm thấy mình là một phần của tập thể, từ đó tăng sự gắn bó với nghề nghiệp" (T6)	Cảm giác được kết nối với tập thể góp phần giúp giáo viên duy trì sự gắn bó với nghề nghiệp.
	Hợp tác chuyên môn	"Chúng tôi thường xuyên trao đổi chuyên môn, qua đó hỗ trợ nhau phát triển nghề nghiệp." (T4)	Hoạt động trao đổi và hợp tác chuyên môn giúp giáo viên cảm thấy được hỗ trợ và phát triển trong công việc.

Bảng 4 cho thấy giáo viên tiếng Anh đều đề cập đến ba nhu cầu tâm lý cơ bản gồm nhu cầu năng lực, nhu cầu tự chủ và nhu cầu gắn kết xã hội như những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến động lực nghề nghiệp. Đối với nhu cầu năng lực, nhiều giáo viên nhấn mạnh rằng việc giúp học sinh tiến bộ và đạt kết quả tốt khiến họ cảm thấy công việc có ý nghĩa hơn và tạo thêm động lực giảng dạy. Một giáo viên chia sẻ: *"Tôi cảm thấy mình có khả năng giúp học sinh tiến bộ và điều này giúp tôi cảm thấy công việc có ý nghĩa, đồng thời củng cố động lực nghề nghiệp cho tôi"* (T1), trong khi một giáo viên khác cho biết: *"Khi sinh viên phản hồi tích cực, tôi cảm thấy tự tin và có thêm động lực trong công việc"* (T6). Những chia sẻ này cho thấy cảm nhận về năng lực chuyên môn và hiệu quả giảng dạy là nguồn động lực quan trọng đối với giáo viên.

Đối với nhu cầu tự chủ, giáo viên đánh giá cao sự linh hoạt và quyền chủ động trong quá trình giảng dạy. Một giáo viên cho biết: *"Tôi có thể linh hoạt trong cách giảng dạy và điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp với học sinh và bối cảnh lớp học"* (T2), trong khi một giáo viên khác chia sẻ: *"Tôi có thể tự quyết định cách tổ chức, lựa chọn nội dung, hoạt động giảng dạy và điều này giúp tôi cảm thấy thoải mái và hứng thú hơn với công việc"* (T5). Điều này cho thấy quyền tự chủ trong công việc góp phần duy trì động lực giảng dạy của giáo viên.

Đối với nhu cầu gắn kết xã hội, giáo viên nhấn mạnh vai trò của sự hỗ trợ từ đồng nghiệp và cảm giác thuộc về tập thể. Một giáo viên chia sẻ: *"Tôi đánh giá cao sự hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm từ đồng nghiệp trong môi trường làm việc và điều này khiến tôi cảm thấy được hỗ trợ trong công việc"* (T3), trong khi một giáo viên khác cho biết: *"Tôi cảm thấy mình là một phần của tập thể và điều này giúp tôi duy trì sự gắn bó với nghề nghiệp"* (T6). Ngoài ra, hoạt động trao đổi và hợp tác chuyên môn cũng được xem là yếu tố góp phần duy trì động lực và phát triển nghề nghiệp của giáo viên.

Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu năng lực có giá trị trung bình và hệ số tương quan quan sát được cao nhất trong mẫu nghiên cứu, tiếp theo là nhu cầu tự chủ và nhu cầu gắn kết xã hội. Dữ liệu phỏng vấn giúp làm rõ kết quả này khi giáo viên thường xuyên nhấn mạnh vai

trò của cảm nhận về năng lực giảng dạy, quyền tự chủ trong công việc và sự hỗ trợ từ đồng nghiệp đối với động lực nghề nghiệp.

8.3. Câu hỏi nghiên cứu 3: Các nhu cầu tâm lý cơ bản có mối liên hệ như thế nào với động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh?

8.3.1. Kết quả bảng khảo sát

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu này, dữ liệu định lượng từ bảng khảo sát được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS. Trước hết, độ tin cậy của các thang đo được đánh giá bằng hệ số Cronbach's alpha trước khi tiến hành các phân tích thống kê tiếp theo.

Bảng 5

Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo

Thang đo	Cronbach's alpha	Đánh giá
Nhu cầu năng lực	.91	Độ tin cậy rất tốt
Nhu cầu tự chủ	.87	Độ tin cậy tốt
Nhu cầu gắn kết xã hội	.84	Độ tin cậy tốt
Động lực nghề nghiệp	.88	Độ tin cậy tốt

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy tất cả các thang đo đều đạt độ tin cậy tốt, với hệ số Cronbach's alpha dao động từ .84 đến .91. Tất cả các giá trị đều vượt ngưỡng chấp nhận ($\alpha > .70$), cho thấy các mục hỏi có tính nhất quán cao và phù hợp để sử dụng trong nghiên cứu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tiếp tục sử dụng thống kê mô tả để xem xét mức độ động lực nghề nghiệp và mức độ thỏa mãn các nhu cầu tâm lý cơ bản của giáo viên tiếng Anh.

Bảng 6

Động lực nghề nghiệp và các nhu cầu tâm lý cơ bản của giáo viên tiếng Anh (N = 30)

Biến nghiên cứu	Mean	SD
Động lực nghề nghiệp	3,88	0,71
Nhu cầu năng lực	4,09	0,67
Nhu cầu tự chủ	3,86	0,76
Nhu cầu gắn kết xã hội	3,73	0,73

Kết quả trong Bảng 6 cho thấy giáo viên tiếng Anh có mức độ động lực nghề nghiệp khá cao (M = 3,88; SD = 0,71). Đồng thời, ba nhu cầu tâm lý cơ bản gồm nhu cầu năng lực, nhu cầu tự chủ và nhu cầu gắn kết xã hội đều được thỏa mãn ở mức khá cao. Trong đó, nhu cầu năng lực có giá trị trung bình cao nhất (M = 4,09; SD = 0,67), cho thấy phần lớn giáo viên cảm nhận tích cực về năng lực chuyên môn và hiệu quả giảng dạy của mình. Nhu cầu tự chủ đạt mức khá cao (M = 3,86; SD = 0,76), phản ánh rằng giáo viên có quyền chủ động và linh hoạt trong quá trình giảng dạy. Trong khi đó, nhu cầu gắn kết xã hội có giá trị trung bình thấp hơn (M = 3,73; SD = 0,73), cho thấy giáo viên cảm nhận mức độ hỗ trợ và kết nối trong môi trường làm việc thấp hơn so với hai nhu cầu còn lại. Bên cạnh thống kê mô tả, nghiên cứu sử dụng phân tích tương quan Pearson để xem xét mối liên hệ giữa ba nhu cầu tâm lý cơ bản và động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh. Kết quả được trình bày trong Bảng 7.

Bảng 7

Ma trận tương quan Pearson giữa các nhu cầu tâm lý cơ bản và động lực nghề nghiệp

Biến nghiên cứu	1	2	3	4
1. Nhu cầu tự chủ	1			

2. Nhu cầu năng lực	.61**	1		
3. Nhu cầu gắn kết xã hội	.54**	.58**	1	
4. Động lực nghề nghiệp	.63**	.71**	.57**	1

** Ghi chú: ** p < .01*

Kết quả phân tích tương quan Pearson cho thấy cả ba nhu cầu tâm lý cơ bản đều có tương quan dương với động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh. Trong đó, nhu cầu năng lực có hệ số tương quan cao nhất với động lực nghề nghiệp (r = .71, p < .01), tiếp theo là nhu cầu tự chủ (r = .63, p < .01) và nhu cầu gắn kết xã hội (r = .57, p < .01). Kết quả này cho thấy mức độ thỏa mãn các nhu cầu tâm lý cơ bản có mối liên hệ tích cực với động lực nghề nghiệp của giáo viên; khi mức độ thỏa mãn các nhu cầu này cao hơn, động lực nghề nghiệp cũng có xu hướng cao hơn như trong mẫu nghiên cứu. Phát hiện này phù hợp với Lý thuyết Tự quyết, theo đó việc thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản về tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội tạo điều kiện cho sự phát triển và duy trì các dạng động lực mang tính tự chủ (Ryan & Deci, 2000, 2017).

8.3.2. Kết quả phỏng vấn

Để làm rõ vai trò của các nhu cầu tâm lý cơ bản đối với động lực nghề nghiệp trong thực tiễn giảng dạy, dữ liệu phỏng vấn bán cấu trúc được phân tích bằng phương pháp phân tích chủ đề (Braun & Clarke, 2006). Quá trình phân tích tập trung vào việc xác định các chủ đề phản ánh trải nghiệm và nhận thức của giáo viên về nhu cầu năng lực, nhu cầu tự chủ và nhu cầu gắn kết xã hội. Các chủ đề, mã tiêu biểu và trích dẫn minh họa được trình bày trong Bảng 8.

Bảng 8

Các chủ đề phản ánh vai trò của các nhu cầu tâm lý cơ bản trong việc thúc đẩy động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh (N = 6)

Chủ đề	Mã	Trích dẫn	Diễn giải
Nhu cầu năng lực thúc đẩy động lực	Thành công của học sinh tạo động lực	"Khi học sinh tiến bộ, tôi cảm thấy mọi nỗ lực của mình đều xứng đáng và muốn cố gắng hơn." (T1)	Cảm nhận về hiệu quả nghề nghiệp củng cố động lực tiếp tục giảng dạy.
	Thành thạo chuyên môn tạo sự kiên trì	"Càng tự tin về chuyên môn, tôi càng muốn đầu tư cho bài giảng." (T4)	Cảm giác có năng lực làm tăng sự gắn bó và đầu tư nghề nghiệp.
Nhu cầu tự chủ duy trì động lực	Được quyền quyết định giúp duy trì hứng thú	"Khi được tự lựa chọn cách dạy, tôi thấy hứng thú hơn rất nhiều." (T2)	Quyền tự chủ giúp giáo viên duy trì động lực nội tại và sự sáng tạo.
	Linh hoạt đáp ứng nhu cầu học sinh	"Tôi thích khi có thể thay đổi bài học theo lớp mình dạy." (T5)	Sự linh hoạt giúp giáo viên cảm thấy có ý nghĩa và làm chủ công việc.
Nhu cầu gắn kết củng cố động lực	Đồng nghiệp tạo nguồn động viên	"Nhờ đồng nghiệp hỗ trợ nên tôi có thêm động lực mỗi khi gặp khó khăn." (T3)	Quan hệ nghề nghiệp tích cực giúp giáo viên vượt qua áp lực công việc.
	Thuộc về tập thể tạo cam kết nghề nghiệp	"Làm việc trong tập thể đoàn kết khiến tôi muốn gắn bó lâu dài." (T6)	Cảm giác thuộc về tổ chức làm tăng cam kết và mong muốn tiếp tục nghề nghiệp.

Bảng 8 cho thấy ba nhu cầu tâm lý cơ bản đều đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh, mặc dù mỗi nhu cầu tác động thông qua

những cơ chế khác nhau. Trước hết, nhu cầu năng lực được xem là nguồn động lực nổi bật nhất. Nhiều giáo viên cho biết cảm giác hoàn thành tốt công việc và chứng kiến sự tiến bộ của học sinh giúp họ duy trì niềm tin vào giá trị nghề nghiệp cũng như tiếp tục đầu tư cho hoạt động giảng dạy. Một giáo viên chia sẻ: *"Khi tôi nhìn thấy học sinh hiểu bài và tiến bộ từng ngày, tôi cảm thấy những nỗ lực của mình thực sự có ý nghĩa. Điều đó khiến tôi có thêm động lực để tiếp tục đổi mới bài giảng và cố gắng nhiều hơn trong công việc."* (T1). Một giáo viên khác cũng nhấn mạnh: *"Mỗi khi học sinh đạt được kết quả tốt hoặc phản hồi tích cực về bài học, tôi cảm thấy tự tin hơn vào năng lực của bản thân và có thêm động lực để gắn bó với nghề."* (T4). Những chia sẻ này cho thấy cảm nhận về năng lực nghề nghiệp không chỉ giúp giáo viên tự tin hơn mà còn củng cố động lực duy trì và phát triển nghề nghiệp. Đối với nhu cầu tự chủ, giáo viên cho rằng quyền chủ động trong việc lựa chọn phương pháp, nội dung và cách tổ chức bài học giúp họ duy trì hứng thú và sự sáng tạo trong công việc. Một giáo viên cho biết: *"Tôi cảm thấy có nhiều động lực hơn khi được chủ động quyết định cách tổ chức bài học và lựa chọn phương pháp phù hợp với học sinh của mình. Khi không bị ràng buộc quá nhiều, tôi có thể sáng tạo hơn và việc giảng dạy cũng trở nên thú vị hơn."* (T2). Một giáo viên khác chia sẻ: *"Việc được linh hoạt điều chỉnh bài giảng theo nhu cầu thực tế của từng lớp khiến tôi cảm thấy mình thực sự làm chủ công việc, từ đó luôn muốn đầu tư nhiều hơn cho mỗi giờ dạy."* (T5). Những ý kiến này cho thấy quyền tự chủ trong công việc góp phần quan trọng vào việc duy trì động lực nội tại và sự gắn bó nghề nghiệp của giáo viên. Đối với nhu cầu gắn kết xã hội, các giáo viên đều nhấn mạnh vai trò của sự hỗ trợ từ đồng nghiệp và môi trường làm việc tích cực trong việc duy trì động lực nghề nghiệp. Một giáo viên chia sẻ: *"Khi gặp khó khăn trong giảng dạy, tôi luôn nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ từ đồng nghiệp. Điều đó giúp tôi cảm thấy mình không phải làm việc một mình và có thêm động lực để vượt qua những áp lực của công việc."* (T3). Một giáo viên khác cho biết: *"Tôi cảm thấy mình là một phần của tập thể. Mọi người luôn sẵn sàng trao đổi chuyên môn và động viên nhau, vì vậy, tôi luôn muốn tiếp tục gắn bó với môi trường làm việc này."* (T6). Những chia sẻ này cho thấy cảm giác được kết nối và được hỗ trợ trong môi trường nghề nghiệp góp phần củng cố động lực, tăng cường cam kết và mong muốn gắn bó lâu dài với nghề dạy học.

Nhìn chung, dữ liệu phỏng vấn cho thấy ba nhu cầu tâm lý cơ bản đều được giáo viên xem là những yếu tố quan trọng góp phần duy trì động lực nghề nghiệp. Kết quả này nhất quán với dữ liệu định lượng, trong đó, nhu cầu năng lực có hệ số tương quan cao nhất với động lực nghề nghiệp, tiếp theo là nhu cầu tự chủ và nhu cầu gắn kết xã hội.

9. Thảo luận

Nghiên cứu này tìm hiểu động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh tại một trường trung học phổ thông ở Việt Nam dưới góc nhìn của Lý thuyết Tự quyết (Ryan & Deci, 2017). Kết quả cho thấy động lực nội tại được đánh giá cao hơn động lực ngoại tại, gợi ý rằng động lực nghề nghiệp của giáo viên trong mẫu nghiên cứu có xu hướng thiên về các dạng động lực mang tính tự chủ. Phát hiện này phù hợp với Lý thuyết Tự quyết, theo đó những cá nhân thực hiện công việc vì sự yêu thích, nhận thấy ý nghĩa của công việc và đồng nhất công việc với các giá trị cá nhân có xu hướng duy trì động lực bền vững hơn so với những người chủ yếu chịu tác động của các phần thưởng hoặc áp lực từ bên ngoài (Ryan & Deci, 2017). Tuy nhiên, trong bối cảnh giáo dục phổ thông Việt Nam, động lực nghề nghiệp của giáo viên dường như không chỉ bắt nguồn từ niềm yêu thích giảng dạy mà còn gắn với việc họ coi nâng cao chất lượng dạy học, hỗ trợ học sinh phát triển và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục là những giá trị nghề nghiệp có ý nghĩa. Điều này gợi ý rằng bên cạnh động lực nội tại, giáo viên có thể đã nội hóa một số yêu

cầu nghề nghiệp thành các giá trị cá nhân, qua đó phản ánh đặc điểm của quá trình nội hóa được Lý thuyết Tự quyết mô tả trong bối cảnh giáo dục phổ thông Việt Nam.

Một phát hiện đáng chú ý khác là nhu cầu năng lực được thỏa mãn ở mức cao nhất và có hệ số tương quan mạnh nhất với động lực nghề nghiệp. Kết quả này phù hợp với Lý thuyết Tự quyết, đồng thời phản ánh đặc thù giảng dạy tiếng Anh trong bối cảnh cải cách giáo dục. Cảm nhận về năng lực của giáo viên không chỉ được hình thành từ sự tự đánh giá mà còn được củng cố qua sự tiến bộ của học sinh, kết quả học tập và khả năng sử dụng tiếng Anh trong thực tiễn. Điều này cho thấy nhu cầu năng lực không chỉ phản ánh cảm giác thực hiện tốt công việc mà còn gắn chặt với trách nhiệm nghề nghiệp và kết quả học tập của học sinh.

Đối với nhu cầu tự chủ, mặc dù giáo viên đánh giá mức độ thỏa mãn tương đối cao, quyền tự chủ không đồng nghĩa với sự tự do hoàn toàn trong giảng dạy. Giáo viên vẫn phải tuân thủ chương trình giáo dục phổ thông, quy định chuyên môn, kế hoạch của nhà trường và các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá, nhưng vẫn duy trì cảm giác tự chủ thông qua việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, thiết kế hoạt động học tập và điều chỉnh bài học phù hợp với học sinh. Phát hiện này cho thấy quyền tự chủ trong Lý thuyết Tự quyết phản ánh trải nghiệm tâm lý về khả năng làm chủ các quyết định chuyên môn hơn là sự tự do tuyệt đối trong công việc.

Đối với nhu cầu gắn kết xã hội, mặc dù giáo viên đánh giá tích cực mối quan hệ với đồng nghiệp, mức độ thỏa mãn của nhu cầu này vẫn thấp hơn so với nhu cầu năng lực và nhu cầu tự chủ. Sự hỗ trợ chủ yếu diễn ra thông qua các hoạt động chuyên môn chính thức như: sinh hoạt tổ chuyên môn, xây dựng kế hoạch giảng dạy và chia sẻ học liệu, trong khi các hình thức kết nối không chính thức được đề cập ít hơn. Điều này cho thấy giáo viên trải nghiệm sự gắn kết chủ yếu thông qua hợp tác chuyên môn hơn là cảm giác thuộc về một cộng đồng nghề nghiệp, đồng thời gợi ý rằng chất lượng các mối quan hệ và mức độ kết nối tâm lý có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thỏa mãn nhu cầu gắn kết xã hội.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy ba nhu cầu tâm lý cơ bản không tồn tại tách biệt mà bổ trợ lẫn nhau trong việc duy trì động lực nghề nghiệp. Cảm nhận về năng lực được củng cố thông qua sự tiến bộ của học sinh và hiệu quả giảng dạy; quyền tự chủ giúp giáo viên duy trì sự chủ động và sáng tạo trong hoạt động dạy học; còn sự hỗ trợ từ đồng nghiệp giúp họ vượt qua khó khăn và áp lực nghề nghiệp. Những phát hiện này cho thấy động lực nghề nghiệp được hình thành từ sự tương tác giữa các nhu cầu tâm lý cơ bản và bối cảnh làm việc, thay vì phụ thuộc vào một nhu cầu riêng lẻ.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế. Đây là nghiên cứu trường hợp được thực hiện tại một trường trung học phổ thông với quy mô mẫu tương đối nhỏ, nên kết quả chủ yếu phản ánh bối cảnh nghiên cứu và không nhằm khái quát cho toàn bộ giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam. Bên cạnh đó, dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi và phỏng vấn tự báo cáo nên có thể chịu ảnh hưởng của xu hướng trả lời theo mong muốn xã hội hoặc nhận thức chủ quan của người tham gia. Ngoài ra, nghiên cứu chưa xem xét sâu tác động của các yếu tố bối cảnh như chính sách giáo dục, văn hóa nhà trường, khối lượng công việc và phong cách lãnh đạo đến động lực nghề nghiệp của giáo viên. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát sang nhiều loại hình trường học, đồng thời kết hợp quan sát lớp học hoặc nghiên cứu theo chiều dọc để làm rõ hơn quá trình hình thành, nội hóa và duy trì động lực nghề nghiệp của giáo viên trong các bối cảnh giáo dục khác nhau.

10. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu động lực nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh tại một trường trung học phổ thông ở Việt Nam dưới góc nhìn của Lý thuyết Tự quyết.

Trên cơ sở dữ liệu thu thập từ 30 giáo viên tiếng Anh và phỏng vấn bán cấu trúc với sáu giáo viên, nghiên cứu cho thấy giáo viên chủ yếu duy trì động lực nghề nghiệp thông qua các dạng động lực mang tính tự chủ. Đồng thời, ba nhu cầu tâm lý cơ bản gồm: năng lực, tự chủ và gắn kết xã hội đều có mối liên hệ với động lực nghề nghiệp, trong đó nhu cầu năng lực được thể hiện nổi bật hơn.

Nghiên cứu góp phần cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về việc vận dụng Lý thuyết Tự quyết trong nghiên cứu động lực nghề nghiệp của giáo viên tại Việt Nam. Bên cạnh đó, kết quả cũng gợi ý rằng việc tạo điều kiện phát triển năng lực chuyên môn, tăng cường quyền tự chủ trong hoạt động giảng dạy và xây dựng môi trường làm việc hợp tác có thể góp phần duy trì động lực nghề nghiệp của giáo viên.

Tuy nhiên, nghiên cứu được thực hiện tại một trường trung học phổ thông với quy mô mẫu còn hạn chế, vì vậy, các kết quả chủ yếu phản ánh đặc điểm của bối cảnh nghiên cứu và không nhằm khái quát cho toàn bộ giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam. Ngoài ra, dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi và phỏng vấn tự báo cáo nên có thể chịu ảnh hưởng của nhận thức chủ quan của người tham gia. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát sang nhiều bối cảnh giáo dục khác nhau, đồng thời kết hợp các thiết kế nghiên cứu theo chiều dọc hoặc các nguồn dữ liệu đa dạng hơn để làm rõ sự hình thành và phát triển động lực nghề nghiệp của giáo viên theo thời gian.

Tài liệu tham khảo

Braun, V., & Clarke, V. (2006). Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology, 3*(2), 77–101. https://doi.org/10.1191/1478088706qp063oa

Collie, R. J. (2014). *Understanding teacher well-being and motivation: Measurement, theory, and change over time* [Doctoral dissertation, University of British Columbia]. cIRcle. http://hdl.handle.net/2429/46025

Creswell, J. W. (2009). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches* (3rd ed.). SAGE Publications.

Fernet, C., Guay, F., Senécal, C., & Austin, S. (2012). Predicting intraindividual changes in teacher burnout: The role of perceived school environment and motivational factors. *Teaching and Teacher Education, 28*(4), 514–525. https://doi.org/10.1016/j.tate.2011.11.013

Ha, T. B. L. (2024). Exploring self-determination theory in ELT: A content analysis of research trends between 2020 and 2024. *ICTE Conference Proceedings, 5*, 140–164. https://doi.org/10.54855/ictep.24512

Lamb, M., & Sahakyan, T. (2024). Language teacher motivation: A systematic review. In Z. Tajeddin & T. S. C. Farrell (Eds.), *Handbook of Language Teacher Education*. Springer. https://doi.org/10.1007/978-3-031-43208-8_6-1

Le, V. T., & Thi, D. H. (2022). Factors affecting English language teaching in Vietnamese high schools from teachers' perspective. *International Journal of English Literature and Social Sciences, 7*(1), 317–329. https://doi.org/10.22161/ijels.71.44

Luu, N. Q. H. (2020). Teachers' motivation and its influence on quality education: A study at a center for foreign languages in Vietnam. *Can Tho University Journal of Science, 12*(3), 17–26. https://doi.org/10.22144/ctu.jen.2020.020

Nguyen, P. T., Chu, N. D., Hoang, T. T., & Trinh, Q. T. (2023). Các cách tiếp cận trong nghiên cứu động lực của giáo viên [Approaches to teacher motivation research]. *Tạp chí Giáo dục (Journal of Education), 23*(15), 8–14. https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/832

Nguyen, T. H., & Nguyen, T. T. (2021). Tạo động lực làm việc cho giáo viên tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục [Creating work motivation for primary school teachers in the context of educational reform]. *Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục (Journal of Educational Management Science), 29*(1), 92–98. https://vjol.info.vn/khqlgd/en/article/view/59388/

Nguyen, T. T. D., Hoang, M. K., & Tran, T. H. (2023). Yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của giảng viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh [Factors affecting the work motivation of lecturers at Vietnam

National University Ho Chi Minh City]. *Tạp chí Giáo dục (Journal of Education), 23*(21), 34–40. https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1093

Nguyen, T. T. T. (2023). Lí thuyết tự quyết (SDT): Quan niệm, phân loại và ý nghĩa đối với vấn đề tạo động lực học tập cho sinh viên Việt Nam [Self-determination theory (SDT): Concepts, classification, and implications for fostering learning motivation among Vietnamese university students]. *Tạp chí Giáo dục (Journal of Education), 23*(10), 33–38. https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/764

Roohani, A., Hashemian, M., & Dayeri, K. (2018). An investigation into EFL teachers' motivation to teach from a self-determination perspective. *International Journal of Research Studies in Language Learning, 7*(3), 29–44. https://doi.org/10.5861/ijrsll.2017.1815

Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being. *American Psychologist, 55*(1), 68–78. https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.1.68

Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2017). *Self-determination theory: Basic psychological needs in motivation, development, and wellness*. Guilford Press. https://psycnet.apa.org/record/2017-04680-000

Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2020). Intrinsic and extrinsic motivation from a self-determination theory perspective: Definitions, theory, practices, and future directions. *Contemporary Educational Psychology, 61*, 101860. https://doi.org/10.1016/j.cedpsych.2020.101860

Tashakkori, A., Johnson, R. B., & Teddlie, C. (2021). *Foundations of mixed methods research: Integrating quantitative and qualitative approaches in the social and behavioral sciences* (2nd ed.). SAGE Publications. https://doi.org/10.4135/9781506350288

Tran, H. L. (2025). Enhancing motivation in EFL teaching: Insights from Vietnamese university EFL teachers. *VNU Journal of Foreign Studies, 41*(1S), 120–134. https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5385

Watt, H. M. G., & Richardson, P. W. (2008). Motivations, perceptions, and aspirations concerning teaching as a career for different types of beginning teachers. *Learning and Instruction, 18*(5), 408–428. https://doi.org/10.1016/j.learninstruc.2008.06.002

Yıldız, V. A., & Kılıç, D. (2021). Motivation and motivational factors of primary school teachers from the Self-Determination Theory perspective. *Turkish Journal of Education, 10*(2), 76–96. https://doi.org/10.19128/turje.832203